

Số: 970 /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 14 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được công bố mới, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm quyền của Sở Y tế, UBND cấp huyện, UBND cấp xã

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 1377/TTr-SYT ngày 31/3/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm quyền của Sở Y tế, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thi hành);
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Trung tâm CB&CTTĐT;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT, TN, NgM. 14



Nguyễn Tấn Tuấn

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG,
BÀI BỎ LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI VÀ PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI THUỘC
THẨM QUYỀN CỦA SỞ Y TẾ, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 970 /QĐ-UBND ngày 14 /4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

| STT | Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|---|----------------------|--|
| 1 | Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội. Mã số TTHC: 1.012990 | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Y tế) | Không | - Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/2024 của Chính phủ về công tác xã hội. |
| 2 | Cấp (mới) giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội. Mã số TTHC: 1.012991 | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | | - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế |
| 3 | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội. Mã số TTHC: 1.012992 | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | | - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương |
| 4 | Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Mã số TTHC: 1.012993 | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | | - Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế. |

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

| STT | Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|----------|--|--|---|----------------------|---|
| I | TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế | | | | |
| 1 | Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật. Mã số TTHC: 1.001806 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 05 được công bố tại Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 04/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa) | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | | - Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/2024 của Chính phủ về công tác xã hội. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. |
| 2 | Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Mã số TTHC: 2.000216 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 01 được công bố tại Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 01/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa) | 35 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Y tế) | Không | - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương. |
| 3 | Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Mã số TTHC: 2.000144 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 01 được công bố tại Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 01/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa) | 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | | - Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội |

| STT | Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|--|--------------------|----------------------|--|
| 4 | <p>Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Y tế.</p> <p>Mã số TTHC: 2.000062 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 03 được công bố tại Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 01/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</p> | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | | thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế. |
| 5 | <p>Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.</p> <p>Mã số TTHC: 2.000056 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 01 được công bố tại Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 20/03/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</p> | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | | |
| 6 | <p>Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Y tế cấp.</p> <p>Mã số TTHC: 2.000051 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 05 được công bố tại Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 01/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</p> | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | | |
| 7 | <p>Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân.</p> <p>Mã số TTHC: 2.000025 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 01 được công bố tại Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</p> | 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | | |

| STT | Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|--|--------------------|----------------------|----------------|
| 8 | <p>Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân.</p> <p>Mã số TTHC: 2.000027 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 02 được công bố tại Quyết định số 3571/QĐ-UBND ngày 27/11/2027 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</p> | 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | | |
| 9 | <p>Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân.</p> <p>Mã số TTHC: 2.000032 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 03 được công bố tại Quyết định số 3571/QĐ-UBND ngày 27/11/2027 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</p> | 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | | |
| 10 | <p>Gia hạn giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân.</p> <p>Mã số TTHC: 2.000036 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 04 được công bố tại Quyết định số 3571/QĐ-UBND ngày 27/11/2027 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</p> | 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | | |
| 11 | <p>Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân.</p> <p>Mã số TTHC: 1.000091 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 05 được công bố tại Quyết định số 3571/QĐ-UBND ngày 27/11/2027 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</p> | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | | |

| STT | Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|--|--------------------|----------------------|--|
| 12 | Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh. Mã số TTHC: 2.000286 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 01 được công bố tại Quyết định số 1935/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa) | 34 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | | |
| 13 | Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh. Mã số TTHC: 2.000282 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 01 được công bố tại Quyết định số 1935/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa) | Tiếp nhận ngay các đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp, 10 ngày làm việc hoàn thiện hồ sơ theo quy định | | | |
| 14 | Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh. Mã số TTHC: 2.000477 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 02 được công bố tại Quyết định số 1935/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa) | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | | |
| 15 | Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Sở Y tế. | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | | - Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/2024 của Chính phủ về công tác xã hội. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ |

| STT | Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|---------------------|--------------------|----------------------|---|
| | <p>Mã số TTHC: 2.000135</p> <p>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 01 được công bố tại Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 20/03/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</p> | | | | <p>quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế.</p> <p>- Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Quyết định số 1158/QĐ-BYT ngày 04/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung ban hành kèm theo Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</p> |

| STT | Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----------|---|--|---|----------------------|---|
| II | TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện | | | | |
| 1 | <p>Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.</p> <p>Mã số TTHC: 2.000286</p> <p>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 01 được công bố tại Quyết định số 1935/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</p> | 27 ngày làm việc đối với cấp huyện kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/2024 của Chính phủ về công tác xã hội. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý |
| 2 | <p>Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.</p> <p>Mã số TTHC: 2.000282</p> <p>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 01 được công bố tại Quyết định số 1935/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</p> | Tiếp nhận ngay các đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp, 10 ngày làm việc hoàn thiện hồ sơ theo quy định | | | |
| 3 | <p>Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.</p> <p>Mã số TTHC: 2.000477</p> <p>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 02 được công bố tại Quyết định số 1935/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</p> | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | | |
| 4 | <p>Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội.</p> | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận | | | |

| STT | Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|--|--------------------|----------------------|----------------|
| | Mã số TTHC: 1.001731 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 05 được công bố tại Quyết định số 1935/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa) | đủ hồ sơ hợp lệ | | | của Bộ Y tế. |
| 5 | Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc. Mã số TTHC: 2.000777 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 06 được công bố tại Quyết định số 1935/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa) | 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | | |
| 6 | Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng. Mã số TTHC: 2.000744 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 01 được công bố tại Quyết định số 1935/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa) | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | | |
| 7 | Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Y tế cấp. Mã số TTHC: 1.000684 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 07 được công bố tại Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 01/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa) | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | | |

| STT | Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|--------------------|----------------------|---|
| | Hòa) | | | | |
| 8 | Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Y tế. Mã số TTHC: 2.000298 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 05 được công bố tại Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 01/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa) | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | | |
| 9 | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Y tế. Mã số TTHC: 2.000294 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 05 được công bố tại Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 20/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa) | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | | |
| 10 | Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Y tế. Mã số TTHC: 1.000669 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 04 được công bố tại Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 20/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa) | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/2024 của Chính phủ về công tác xã hội. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ |

| STT | Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|--|---------------------|--|----------------------|--|
| | | | | | <p>quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Quyết định số 1158/QĐ-BYT ngày 04/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung ban hành kèm theo Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</p> |
| 11 | <p>Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</p> <p>Mã số TTHC: 1.001753</p> | 08 ngày làm việc | Bộ phận một cửa của UBND cấp xã/phường | | <p>- Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/2024 của Chính phủ về công tác xã hội.</p> <p>- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ,</p> |

| STT | Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|--------------------|----------------------|--|
| | (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 04 được công bố tại Quyết định số 1935/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa) | | | | quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế |
| 12 | <p>Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp.</p> <p>Mã số TTHC: 1.001739</p> <p>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 07 được công bố tại Quyết định số 1935/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</p> | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | | <p>- Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương.</p> |
| 13 | <p>Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng.</p> <p>Mã số TTHC: 1.001776</p> <p>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 01 được công bố tại Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</p> | 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | | <p>- Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</p> |
| 14 | <p>Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.</p> <p>Mã số TTHC: 1.001758</p> <p>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 01 được công bố tại Quyết định số 1935/QĐ-UBND ngày</p> | 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | | |

| STT | Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|------------|---|--|--|----------------------|--|
| | 12/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa) | | | | |
| 15 | Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân. Mã số TTHC: 2.001661 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 01 được công bố tại Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa) | 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | | |
| III | TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã | | | | |
| 1 | Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật. Mã số TTHC: 1.001699 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 01 được công bố tại Quyết định số 1740/QĐ-UBND ngày 05/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa) | 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận một cửa của UBND cấp xã/phường | Không | - Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/2024 của Chính phủ về công tác xã hội. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế |
| 2 | Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật. Mã số TTHC: 1.001653 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 02 được công bố tại Quyết định số 1740/QĐ-UBND ngày | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | | - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân |

| STT | Thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|--------------------|----------------------|--|
| | 05/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa) | | | | dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương |
| 3 | <p>Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn.</p> <p>Mã số TTHC: 2.000355</p> <p>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 01 được công bố tại Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 01/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</p> | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | | <p>- Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</p> |
| 4 | <p>Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở.</p> <p>Mã số TTHC: 2.000751</p> <p>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 01 được công bố tại Quyết định số 1935/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)</p> | 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | | | |

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

| STT | Thủ tục hành chính | Mã thủ tục hành chính | Quyết định công bố thủ tục hành chính | Căn cứ pháp lý bãi bỏ thủ tục |
|-----|---|-----------------------|--|---|
| 01 | Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | 2.000141 | Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 01/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh | - Quyết định số 970/QĐ- BYT ngày 21/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và 04 thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Y tế |
| 02 | Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội | 2.000291 | | |